

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 7 - 2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Được
- Bà Lê Thị Hạnh Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Tiểu M, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Thạch L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Phan Tiểu M vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị M có lời khai và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2014 chị và anh Thạch L quen biết, tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bất hòa, cãi vã do anh L thay đổi tính tình hay uống rượu về nhà vô cớ có những lời lẽ xúc phạm và đánh chị, chị nhiều lần khuyên, tìm cách hoà thuận nhưng không kết quả nên sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay.

Từ khi ly thân không bên nào tạo điều kiện hàn gắn, hoà thuận lại, nay chị **M** xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh **Thạch L**.

- Về con chung tên: **Thạch Minh P**, sinh ngày 25/10/2016, do chị **M** đang nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **M** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị **M** không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Chị không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Thạch Liêm vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Quá trình giải quyết anh **L** không cung cấp chứng cứ và không có lời khai nộp cho Tòa án.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự; phía bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị **M**; Về hôn nhân cho chị **M** được ly hôn với anh **L**. Về con chung tên **Thạch Minh P**, sinh ngày 25/10/2016 đề nghị giao chị **M** được quyền nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản và nợ chung chị **M** không tranh chấp nên đề nghị không xem xét; Về án phí hôn nhân sơ thẩm căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị buộc chị **M** phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Xét thấy chị **Phan Tiểu M** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **Thạch L** là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **M** và anh **L** theo quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ pháp luật:** Xét đơn khởi kiện của chị **Phan Tiểu M** tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh **Thạch L**; địa chỉ **ấp H, xã H, huyện C, tỉnh**

Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị **Phan Tiểu M** và **Thạch L** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị **M** và anh **L** là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị **M** và anh **L** phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2023 đến nay, không bên nào tạo điều kiện để hàn gắn lại. Chị **M** xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **L** không còn hạnh phúc, anh chị không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên chị **M** yêu cầu ly hôn với anh **Thạch L**. Anh **Thạch L** đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, biết được nội dung chị **M** tranh chấp nhưng anh **L** không cung cấp chứng cứ, không có lời khai đề nộp cho Tòa án xem xét; nhiều lần anh **L** không đến tham dự phiên hòa giải mà không có lý do nên không tiến hành hòa giải được và xét thấy việc anh **L** vắng mặt thể hiện không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị **M**.

Qua đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị **M** và anh **L** ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Phan Tiểu M**.

[4] Về quyền nuôi con: Giữa chị **M** và anh **L** có một người con tên **Thạch Minh P**, sinh ngày 25/10/2016. Chị **M** yêu cầu được nuôi con và cháu **P** cũng có nguyện vọng sống chung với chị **M**.

Xét thấy, chị **M** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và trong thời gian nuôi con thì chị **M** đảm bảo cuộc sống của con ổn định về vật chất, tinh thần và con cũng có nguyện vọng được sống chung với chị **M**; phía anh **L** không có ý kiến tranh chấp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao con chung tên **Thạch Minh P**, sinh ngày 25/10/2016 cho chị **M** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị **M** và anh **L** không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Xét thấy đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị **M** và anh **L** không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án, buộc chị **Phan Tiểu M** phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Phan Tiểu M**.

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị **Phan Tiểu M** ly hôn với anh **Thạch L**.

- **Về quyền nuôi con:** Giao chị **Phan Tiểu M** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên **Thạch Minh P**, sinh ngày 25/10/2016.

Anh **Thạch L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Quá trình giải quyết vụ án chị **M** và anh **L** không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ nợ phải thu, phải trả:** Quá trình giải quyết vụ án chị **M** và anh **L** không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị **Phan Tiểu M** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001154 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị **M** đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Chị **Phan Tiểu M** và anh **Thạch L** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã nơi đkkh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa